

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 19-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Công

Ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐXXST – HS, ngày 04 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2002 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Thợ làm móng tay; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1975 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1978; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 tháng 02 năm 2021 đến nay.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị K (Đã chết);

Nơi cư trú trước khi chết: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1981 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1975 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1978 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Đồng nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Trần Duy H, sinh năm 1985 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Chị Hồ Thị Thu P, sinh năm 1987 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Đồng nơi cư trú: ấp L, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
 5. Anh Trần Thanh T, sinh năm 1993 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm S, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
 6. Anh Lâm Thành N, sinh năm 1984 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
 7. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1992 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
- Người làm chứng:*
1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh.
 2. Chị Huỳnh Quế N, sinh năm 2002 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16 tháng 01 năm 2021, Nguyễn Huỳnh N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 64V2-xxxx đến Bến Phà B đón Nguyễn Thị K đến Sở Giao thông Vận tải tỉnh Trà Vinh để K dự thi giấy phép lái xe hạng A1. Tại đây, N giao xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 64V2- xxxx cho K điều khiển chở N ngồi sau tham gia giao thông (N biết rõ K không đủ điều kiện điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 64V2- xxxx tham gia giao thông do không có giấy phép lái xe). Đến khoảng 06 giờ 40 phút, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx chở N ngồi sau lưu thông trên Quốc lộ 53 hướng huyện L đi thành phố T đến địa phận Km 50 + 970 mét Quốc lộ 53 thuộc ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh thì lấn sang phần đường bên trái hướng đi va chạm vào xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx do Trần Quốc T điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại. Tai nạn xảy ra, K bị thương nặng được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh cấp cứu và tử vong.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 38/KLGD, ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến Nguyễn Thị K tử vong là do đa chấn thương.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường xác định nơi xảy ra tai nạn trên đường Quốc lộ 53 thuộc ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Tai nạn xảy ra trên đoạn đường thẳng, trong khu vực đường giao nhau giữa đường ưu tiên và đường không ưu tiên, có biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên (biên W.207C), biển báo nguy hiểm khác (W.233), có vạch kẻ

đường màu vàng nét đứt (vạch 1.1), mặt đường rộng 7 (Bảy) mét, mặt đường làm bằng bê tông nhựa, phẳng.

Xác định cột điện số 24 làm điểm mốc cố định; Lấy mép đường bên phải theo hướng thành phố T đi huyện L làm chuẩn.

Sau khi tai nạn xảy ra, xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx, xe mô tô biển kiểm soát 64V2-xxxx ở các vị trí và để lại các dấu vết như sau:

Vị trí xe ô tô tải 64C-050.xx đỗ cặp mép lề chuẩn đầu xe quay về hướng Tây Bắc, khoảng cách từ hình chiếu tâm đầu trục bánh trước của xe trên mặt lề đường đo đến mép lề chuẩn là 0,75 mét, tâm đầu trục bánh sau ngoài cùng bên phải đo đến mép lề chuẩn là 0,75 mét. Khoảng cách từ hình chiếu tâm đầu trục bánh trước, bánh sau ngoài cùng bên trái của xe trên mặt đường đo đến mép lề chuẩn lần lượt là 1,15 mét và 2,65 mét. Khoảng cách từ hình chiếu tâm đầu trục bánh trước bên trái của xe trên mặt đường đến hình chiếu tâm đầu trục bánh trước của xe mô tô 64V2- xxxx trên mặt đường là 3,7 mét.

Xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx để lại trên mặt đường nhựa 06 dấu vết phanh có đặc điểm, vị trí như sau:

Dấu vết phanh bánh sau ngoài cùng bên phải: được tạo ra từ lốp bánh sau bên phải phía ngoài cùng của xe, nằm trên mặt đường nhựa, dấu vết phanh liền, màu đen dài 15,1 mét, rộng 0,1 mét; đầu dấu vết phanh đo đến mép chuẩn là 1,15 mét, cuối dấu vết phanh ngay dưới lốp xe bánh sau ngoài cùng bên phải của xe ô tô tải là 0,75 mét, đầu dấu vết phanh đo đến đầu dấu vết phanh bánh sau phía trong bên phải của xe ô tô tải là 0,6 mét.

Dấu vết phanh bánh sau phía trong bên phải: được tạo ra từ lốp bánh xe, nằm trên mặt đường nhựa, dấu vết phanh liền, màu đen dài 14,7 mét, rộng 0,1 mét; đầu dấu vết đo đến lề chuẩn là 1,45 mét, cuối dấu vết phanh ngay dưới lốp bánh sau phía trong bên phải của xe ô tô tải là 1,15 mét, đầu dấu vết phanh đo đến đầu dấu vết phanh bánh sau phía trong bên trái của xe ô tô tải là 4,35 mét.

Dấu vết phanh bánh sau phía trong bên trái: được tạo ra từ lốp bánh xe, nằm trên mặt đường nhựa, dấu vết phanh liền màu đen dài 11,0 mét, rộng 0,1 mét, đầu dấu vết phanh đo đến lề chuẩn là 2,9 mét; cuối dấu vết phanh ngay lốp xe bánh sau phía trong bên trái của xe ô tô tải là 2,65 mét, đầu vết phanh đo đến đầu vết phanh bánh sau phía ngoài cùng bên trái của xe ô tô tải là 0,95 mét.

Dấu vết phanh bánh sau phía ngoài bên trái: được tạo ra từ lốp bánh xe, nằm trên mặt đường nhựa, dấu vết phanh liền màu đen dài 10,1 mét, rộng 0,1 mét, đầu dấu vết phanh đo đến lề chuẩn là 3,1 mét; cuối dấu vết phanh ngay lốp bánh sau

phía ngoài cùng bên trái của xe ô tô tải là 2,65 mét, đầu dấu vết phanh đo đến đầu dấu vết phanh bánh trước bên trái của xe ô tô tải là 4,06 mét.

Dấu vết phanh bánh trước bên trái: được tạo ra từ lốp bánh xe, nằm trên mặt đường nhựa, dấu vết phanh liên màu đen dài 10,6 mét, rộng 0,1 mét, đầu dấu vết phanh đo đến mép chuẩn là 2,7 mét; cuối dấu vết phanh ngay dưới lốp bánh trước bên trái của xe ô tô tải là 1,15 mét, đầu dấu vết phanh đo đến đầu dấu vết phanh bánh trước bên phải của xe ô tô tải là 4,3 mét.

Dấu vết phanh bánh trước bên phải: được tạo ra từ lốp bánh xe nằm trên mặt đường nhựa, dấu vết phanh liên màu đen dài 4,5 mét, rộng 0,1 mét, đầu dấu vết phanh đo đến mép chuẩn là 0,55 mét; cuối dấu vết do lề chuẩn là 0 mét; cuối dấu vết phanh đo đến hình chiếu tâm đầu trục bánh trước bên phải của xe ô tô tải trên mặt đường là 2,1 mét.

Vị trí xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 64V2- xxxx: ngã nghiêng bên trái nằm trên mặt đường nhựa, đầu xe quay về hướng Nam, khoảng cách từ hình chiếu tâm đầu trục bánh trước, bánh sau của xe trên mặt đường đo đến mép chuẩn lần lượt là 4,3 mét và 3,55 mét, khoảng cách từ hình chiếu tâm đầu trục bánh sau của xe trên mặt đường đo đến biển báo W.233 (biển báo nguy hiểm khác) là 23 mét.

Xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx để lại trên mặt đường nhựa một dấu vết cày đứt quãng dài 9,85 mét, đầu vết cày đo đến lề chuẩn là 3,2 mét, đầu vết cày đo đến đầu dấu vết phanh bánh trước bên trái của xe ô tô tải 64C-050.xx là 3,6 mét.

Vị trí người điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx nằm ngửa trên mặt đường nhựa, đỉnh đầu quay về hướng Đông, khoảng cách từ tâm đỉnh đầu đến lề chuẩn là 3,5 mét, tâm đỉnh đầu đo đến hình chiếu tâm đầu trục bánh trước của xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 64V2- xxxx trên mặt đường là 1,3 mét.

Vị trí người ngồi sau xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx nằm ngửa trên mặt đường nhựa, đỉnh đầu quay về hướng Đông Bắc, tâm đỉnh đầu đo đến lề chuẩn là 2,7 mét, tâm đỉnh đầu đo đến hình chiếu tâm đầu trục bánh sau xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx trên mặt đường là 1,7 mét.

Khoảng cách từ mốc cố định đến hình chiếu tâm đầu trục bánh trước của xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx trên mặt đường là 5,4 mét và đến hình chiếu tâm đầu trục bánh trước bên trái của xe ô tô tải 64C-050.xx trên mặt đường là 8.45 mét.

Kết quả khám nghiệm phương tiện: Sau khi tai nạn xảy ra, xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx, xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx còn để lại các dấu vết như sau:

Xe ô tô tải biển kiểm soát 64C- 050.xx: Bể rời cản trước bên trái, trầy cản trước phía bên trái kích thước 0,27 mét x 0,3 mét chỗ trầy thấp nhất đo xuống mặt đường là 0,44 mét, trầy thùng mốp nắp ca bô phía trước bên trái dài 0,44 mét x rộng 0,27 mét, chỗ trầy thấp nhất đo xuống mặt đường là 1,01 mét, bể đèn chiếu sáng và bể ốp chụp đèn chiếu sáng phía trước bên trái, bể đèn tín hiệu và bể ốp chụp đèn tín hiệu phía trước bên trái; bể đèn sương mù và bể ốp chụp đèn sương mù phía trước bên trái, trầy mốp cánh cửa bên trái dài 0,2 mét x rộng 0,12 mét, chỗ trầy thấp nhất đo xuống mặt đường là 0,63 mét; bể bàn đạp chân (thang) bên trái, trầy lớp bánh trước bên trái dài 0,28 mét x rộng 0,03 mét, gãy bể mặt gương chiếu hậu bên trái.

Xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx: gãy bể mặt về chắn bùn phía trước, trầy lớp bánh trước, trầy mâm bánh trước bên trái, trầy phuộc trước phía dưới bên phải, bể ốp phuộc trước hai bên, cong ngã ba; bể mặt nạ trước, bể đèn tín hiệu và bể ốp chụp đèn tín hiệu phía trước hai bên; bể đèn chiếu sáng và bể ốp chụp đèn chiếu sáng; bể ốp và cong cổ, trầy tay cầm bên trái, cong ghi đồng; bể đồng hồ và ốp chụp Km/h; gãy, cong cần gương chiếu hậu bên trái, gãy, mất cần gương và gương chiếu hậu bên phải, bể bửng chắn gió hai bên, bể ốp sườn trước hai bên; trầy cần số, trầy gát chân trước bên trái, trầy gát chân sau bên trái, cong phuộc sau bên trái và cong mất bọc sên phía sau.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện nêu trên cùng tài liệu kiểm tra, xác minh, thu thập có trong hồ sơ xác định:

Vùng va chạm của vụ tai nạn giao thông nằm phần đường bên trái hướng đi của xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx do Nguyễn Thị K điều khiển; tâm của vùng va chạm cách lề chuẩn là: 2,7 mét, cách đầu vết cày của xe mô tô 64V2- xxxx là 1,7 mét, cách trục sau bên trái của xe ô tô tải 64C - 050.xx là 4,3 mét và cách tâm vạch kẻ tim đường là 0,75 mét.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định Nguyễn Thị K và bị cáo có mối quan hệ bạn bè, khi giao xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx bị cáo biết rõ K không có giấy phép lái xe theo quy định do ngày xảy ra tai nạn là ngày K đi dự thi giấy phép lái xe mô tô tại tỉnh Trà Vinh. Nếu bị cáo không giao xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx cho K điều khiển tham gia giao thông thì không dẫn đến tai nạn xảy ra và K tử vong.

Tại Bản kết luận lỗi trong vụ tai nạn giao thông ngày 27/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L xác định nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do Nguyễn Thị K là người trực tiếp điều khiển xe tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định và không có giấy phép lái xe đã vi

phạm khoản 1 Điều 9; khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với Trần Quốc T là người trực tiếp điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 64C- 050.xx đi đúng phần đường quy định nên không có lỗi trong vụ tai nạn.

Đối với bị cáo là người giao xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx dung tích 110 cm³ cho Nguyễn Thị K điều khiển tham gia giao thông đường bộ mà biết rõ K không có giấy phép lái xe theo quy định hành vi này vi phạm khoản 10 điều 08 Luật giao thông đường bộ năm 2008 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh N về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Huỳnh N vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo không có văn bản ý kiến gì đối với bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2021, bị cáo giao xe mô tô biển kiểm soát 64V2-2490 cho Nguyễn Thị K điều khiển, bị cáo biết rõ K không có giấy phép lái xe theo quy định. Đến khoảng 06 giờ 40 phút cùng ngày tại Km 50 + 970 mét Quốc lộ 53 thuộc ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh, khi K điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 64V2- xxxx lưu thông trên đường Quốc lộ 53 hướng từ huyện L đến thành phố T đến địa phận trên thì lần sang phần đường bên trái hướng đi va chạm vào xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx do Trần Quốc T điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại. Tai nạn xảy ra, Nguyễn Thị K tử vong do đa chấn thương.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh N từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh N vắng mặt nên không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh N; Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Nguyễn Thị C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y, bà Huỳnh Thị T, anh Trần Duy H, chị Hồ Thị Thu P, anh Trần Thanh T, anh Lâm Thành N, anh Trần Quốc T; người làm chứng ông Phạm Văn T và chị Huỳnh Quế N vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Vì lý do, hiện nay tỉnh Trà Vinh và tỉnh Vĩnh Long đang phòng chống dịch bệnh COVID-19 nên việc đi lại giữa các tỉnh rất khó khăn, vụ án đã dời ngày xét xử và hoãn phiên tòa nhiều lần, thời hạn xét xử đã hết. Đồng thời, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án theo Điều 290, 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bị cáo N và những người tham gia tố tụng để tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến tại phiên tòa hôm nay bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra những người tham gia tố tụng đều thống nhất với bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 38/KLGD, ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường của Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh, kết luận định giá tài sản và kết luận lỗi trong vụ tai nạn. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Huỳnh N vắng mặt không có lời trình bày. Tuy nhiên, qua lời khai của bị cáo; Người địa diện hợp pháp cho bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại Cơ quan điều tra là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện L thu thập được. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh N về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương tuyên truyền phổ biến giáo dục mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông nhằm đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mọi người khi tham gia giao thông hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do tai nạn giao thông gây ra. Trong vụ án này bị cáo tuy không là người trực tiếp điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64V2- xxxx, nhưng với ý thức chủ quan, không chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ, bị cáo đã giao xe cho Nguyễn Thị K điều khiển khi bị cáo biết rõ K chưa được cấp giấy xe lái xe theo quy định (Do ngày 16 tháng 01 năm 2021, K nhờ bị cáo cùng đến sở Giao thông Vận tải tỉnh Trà Vinh để dự thi giấy phép lái xe hạng A1) dẫn đến tai nạn làm K tử vong, bị cáo đã vi phạm vào khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Đối với bị hại cũng có một phần lỗi trong vụ tai nạn là người trực tiếp điều khiển xe tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Đồng thời, không có giấy phép lái xe theo quy định vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

[5]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tình hình tai nạn giao thông hiện nay đáng lo ngại, do phần lớn ý thức chấp hành Luật giao thông của những người tham gia giao thông chưa cao, như giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, thường chủ quan, không chú ý quan sát phần đường, đi không đúng tuyến đường, phần đường quy định, chạy quá tốc độ cho phép, chưa qua quá trình học luật giao thông, chưa đủ tuổi điều khiển phương tiện, chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định pháp luật...gây hoang mang lo sợ cho mọi người khi tham gia giao thông. Tình hình Vi phạm quy định về giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ thời gian gần đây xảy ra nhiều, gây thiệt hại về người và tài sản. Do đó, để hạn chế những thiệt hại về tai nạn xảy ra. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án.

[6]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; tai nạn xảy ra có một phần lỗi của bị hại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có ông nội tên Nguyễn Văn L là liệt sĩ. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo khắc phục hậu quả bất cứ khoản nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius màu đen – trắng, số khung 640AY-340202, số máy 5C64-340205, biển kiểm soát 64V2-2490; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005100 do Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/10/2010, biển số đăng ký 64V2-2490, tên chủ xe Nguyễn Văn Y, CMND 33119xxxx là tài sản và giấy tờ cá nhân của ông Nguyễn Văn Y được giao trả lại cho ông Y;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 2110196; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện ô tô số 0000998238 của Công ty Bảo Việt Vĩnh Long ngày 24/3/2020 đối với xe 64C-050.xx đây là các giấy tờ liên quan đến xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx do chị Hồ Thị Thu P là chủ sở hữu được giao trả lại cho chị P;

- 01 (một) giấy phép lái xe số 790151054370 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp cho anh Trần Quốc T ngày 24/02/2020 là giấy tờ cá nhân của anh Trần Quốc T được giao trả lại cho anh T;

- 01 (một) giấy phép lái xe số 841205006257, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Nguyễn Huỳnh N ngày 23/09/2020 là giấy tờ cá nhân của bị cáo được giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh N.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

[10]. Bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh N phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

- Căn cứ: Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh N 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người đại diện hợp pháp cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Huỳnh N 01 (một) giấy phép lái xe số 841205006257, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/09/2020;

Giao trả cho ông Nguyễn Văn Y 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius màu đen – trắng, số khung 640AY-340202, số máy 5C64-340205, biển kiểm soát 64V2-2490; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005100 do Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/10/2010, biển số đăng ký 64V2-xxxx, tên chủ xe Nguyễn Văn Y, CMND 33119xxxx;

Giao trả cho chị Hồ Thị Thu P 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 2110196; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện ô tô số 0000998238 của Công ty Bảo Việt Vĩnh Long ngày 24/3/2020 đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 64C-050.xx;

Giao trả cho anh Trần Quốc T 01 (một) giấy phép lái xe số 790151054370 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp cho anh Trần Quốc T ngày 24/02/2020.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh N nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện L;
- Công an huyện L;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Thành